

**THÔNG TƯ**

**Quy định về báo vệ môi trường ngành Công Thương**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 180/2012/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 180/2012/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về quy hoạch báo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch báo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về báo vệ môi trường ngành Công Thương.

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về báo vệ môi trường ngành Công Thương trong việc lập, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án, dự án, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, chất thải rắn, báo cáo và trình nghiệm thu cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ngành Công Thương.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực thuộc trình nghiệm quản lý của Bộ Công Thương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Chương II**

**BÁO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG LẬP CHIẾN LƯỢC,**

**QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH**

**Điều 3. Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược**

1. Hàng năm, Ủy Ban hoạch định chiến lược học, báo cáo Lãnh đạo Bộ Công Thương phê duyệt chiến lược học, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành phải lập báo cáo định giá môi trường chiến lược (sau đây gọi là báo cáo ĐMC).

2. Trên cơ sở đánh giá chi được phê duyệt, đơn vị được giao chủ trì xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Công Thương (sau đây gọi là đơn vị chủ trì) xây dựng đề cương và dự toán kinh phí lập báo cáo ĐMC trình Lãnh đạo Bộ Công Thương phê duyệt.

3. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm xây dựng báo cáo ĐMC theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 1800/2016-CP ngày 14 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về quy hoạch báo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch báo vệ môi trường (sau đây gọi là Nghị định số 1800/2016-CP) trong quá trình xây dựng hoặc điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Công Thương. Đồng thời, gửi văn ý kiến Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Ủy Ban hoạch định và các cơ quan, đơn vị có liên quan để xét báo cáo ĐMC trước khi gửi thẩm định theo quy định.

4. Hình thức và nội dung báo cáo ĐMC theo quy định tại Phụ lục LL và LL.1 ban hành kèm theo Thông tư số 21001/TT-BTNMT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về định giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch báo vệ môi trường (sau đây gọi là Thông tư số 21001/TT-BTNMT).

#### **Điều 4. Thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐMC**

1. Đơn vị chủ trì lập hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐMC theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 21001/TT-BTNMT trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo Khoản 1 Điều 15 Luật Báo vệ môi trường để tổ chức thẩm định.

Việc tổ chức thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 1800/2016-CP và Chương V Thông tư số 21001/TT-BTNMT.

2. Đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương, đơn vị chủ trì có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐMC gửi Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để chức thẩm định, báo cáo Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Trình tự như sau:

a) Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ học, cơ quan thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo ĐMC;

b) Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Hội đồng thẩm định, cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định cho đơn vị chủ trì;

c) Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, đơn vị chủ trì có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo ĐMC theo ý kiến thẩm định, tích hợp kết quả thực hiện ĐMC vào dự thảo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và gửi cơ quan thẩm định bổ sơ báo cáo ĐMC theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 23/2015/TT-BTNMT;

#### **Điều 5. Kinh phí lập, thẩm định báo cáo ĐMC**

1. Kinh phí lập báo cáo ĐMC được bố trí trong kinh phí xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài ngắn hoặc chi nhánh báo cáo từ nguồn kinh phí và nghiệp kinh tế và các nguồn khác của cơ.

2. Kinh phí chi hoạt động thẩm định báo cáo ĐMC được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước chi hoạt động cơ nghiệp báo và môi trường.

### **Chương III**

## **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**Điều 6. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường**

1. Chủ dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và trình nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau đây gọi là báo cáo ĐTM) theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP. Việc lập báo cáo ĐTM phải thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

Biên bản và nội dung báo cáo ĐTM theo quy định tại Phụ lục 3.2 và 3.3 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BTNMT.

2. Chủ dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường và trình nhiệm đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường theo Điều 13 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Điều 15 Thông tư số 23/2015/TT-BTNMT trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

Biên bản và nội dung Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 5.4, 5.5 và 5.6 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BTNMT.

#### **Điều 7. Thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM**

1. Chủ dự án có trình nhiệm lập hồ sơ báo cáo ĐTM theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 23/2015/TT-BTNMT trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP để có chức thẩm định, phê duyệt.

Việc thẩm định báo cáo ĐTM được tiến hành thông qua Hội đồng thẩm định và có chức hoạt động thẩm định theo quy định tại Thông tư số 23/2015/TT-BTNMT.

2. Cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản cho Chủ dự án để nộp phí thẩm định báo cáo ĐTM theo Thông tư số 21/2004/TT-BTC ngày 29 tháng 12

năm 2010 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý về đóng phí thẩm định ĐTM hoặc quy định khác có liên quan.

3. Sau khi nhận được thông báo kết quả thẩm định, Chủ dự án vẫn tính chính xác, hoàn thiện báo cáo ĐTM và gửi về cơ quan thẩm định để xem xét, tính cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của Bộ Công Thương trong không thuộc danh mục các dự án quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 180/2012/NĐ-CP, Chủ dự án lập hồ sơ để gửi thẩm định báo cáo ĐTM theo quy định gửi Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp về chức thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ Công Thương phê duyệt. Trình tự như sau:

a) Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định sẽ trình nghiệm hồ sơ thẩm định báo cáo ĐTM;

b) Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Hội đồng thẩm định, cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định cho Chủ dự án;

c) Trong thời hạn không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, Chủ dự án cơ trình nghiệm hoàn thiện báo cáo ĐTM theo ý kiến thẩm định, gửi cơ quan thẩm định trình Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt.

**Điều 8. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giải quyết vụ hình sự án**

Dự án thuộc đối tượng phải xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 180/2012/NĐ-CP, Chủ dự án cơ trình nghiệm lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường gửi cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM kiểm tra, xác nhận trước khi dự án vào vận hành chính thức.

### **Điều 9. Kinh phí lập, thẩm định báo cáo ĐTM**

1. Kinh phí lập báo cáo ĐTM được bố trí từ nguồn vốn đầu tư dự án.

2. Kinh phí cho hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM được bố trí từ nguồn thu phí thẩm định báo cáo ĐTM.

3. Kinh phí cho hoạt động kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giải quyết vụ hình sự án được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

**Điều 10. Các quy định báo vệ môi trường trong giải quyết vụ án đầu tư đối với một số lĩnh vực đặc thù**

1. Các dự án có hoạt động khai thác nước mặt (qua giếng và nước biển), khai thác, sử dụng nước dưới đất phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh phải xin cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển theo quy định về quản lý tài nguyên nước.

2. Các dự án có hoạt động sử nước thải vào các nguồn tiếp nhận phải lập Hồ sơ xin cấp Giấy phép sử nước thải vào nguồn nước theo quy định về quản lý tài nguyên nước, trình duyệt hợp sử nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đã được cấp giấy phép sử nước thải vào nguồn nước và có thể thuận hoặc hợp đồng xử lý, nếu thuận nước thải với tài chính, có nhận quản lý và hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung.

3. Đối với dự án xây dựng nhà máy thủy điện có hồ chứa nước, trước khi được hiện tích nước Chủ dự án phải lập kế hoạch thu gom và sinh lýng hồ trình cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM để thẩm tra, chấp thuận bằng văn bản.

4. Đối với các dự án khai thác khoáng sản

a) Xây dựng kế hoạch và thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho toàn bộ quá trình khai thác khoáng sản trình cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Thực hiện kỹ quy cải tạo phục hồi môi trường.

#### **Chương IV**

### **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH**

**Điều 11.** Các quy định bảo vệ môi trường chung của cơ sở sản xuất, kinh doanh

Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm:

1. Lập kế hoạch quản lý môi trường và nhiệm vụ tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hoạt động sản xuất, kinh doanh sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt.

2. Vận hành các công trình bảo vệ môi trường; Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất và khí thải đồng quy trình đã phê duyệt trong báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã xin chấp.

3. Thực hiện phân loại và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường trong trường hợp không tự xử lý.

4. Đối với chất thải nguy hại phải lập sổ đăng ký chủ nguồn thải, phân loại theo các nhóm khác nhau, lưu giữ trong hồ chứa và quản lý theo quy định

tại Thông tư số 36/2013-TT-BTNMT ngày 20 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3. Các hoạt động sản xuất thuộc Danh mục nguồn thải môi trường hạn lượng lưu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm Thông tư này phải tuân hành đúng kỹ thuật nguồn thải môi trường công nghiệp theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

4. Thanh hiện quan trắc môi trường đối với các thông số và tần suất trong báo cáo ĐTM, kế hoạch báo về môi trường hoặc văn bản trong chương trình phát triển, các nhiệm vụ được liệt kê trong phần phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của pháp luật.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ ngoài khu công nghiệp có lưu lượng nước thải từ 100 m<sup>3</sup>/ngày đến 10 ha (không bao gồm nước làm mát) phải áp dụng hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục.

Đối với môi trường, cơ sở thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này phải lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động liên tục.

Hệ thống thiết bị quan trắc phải được kiểm định và hiệu chuẩn theo quy định về đơn báo kỹ thuật của sở hữu quan trắc.

### 3. Áp dụng hệ thống quản lý môi trường

a) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này phải thực hiện các nhiệm vụ thống quản lý môi trường:

b) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này đã áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 của hiện lực không phải được hiểu áp dụng hệ thống quản lý môi trường, nhưng phải tuân thủ thực hiện các nội dung quy định tại Điều 17 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### Điều 12. Báo về môi trường trong hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

1. Các tổ chức, cá nhân chỉ được nhập khẩu các loại phế liệu từ nước ngoài về làm nguyên liệu sản xuất theo Danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất hoặc nhận ủy thác nhập khẩu phải được cơ quan quản lý môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về báo về môi trường, trong nhập khẩu phế liệu và thực hiện kỹ thuật báo đơn phế liệu nhập khẩu theo quy định tại Nghị

định số 38/2015/QĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

#### **Điều 13. Ứng phó sự cố môi trường**

1. Cơ sở có các chất, kinh doanh có trách nhiệm lập kế hoạch, phương án và chuẩn bị cơ sở vật chất, kỹ thuật để ứng phó sự cố môi trường, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường.

2. Trường hợp xảy ra sự cố môi trường, cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm báo cáo trực tiếp về sự cố môi trường và hiện trạng khắc phục tới cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đồng thời báo cáo Bộ Công Thương tại địa phương xảy ra sự cố và đơn vị chỉ-quản cấp trên để tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương.

3. Đối với các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản và công trình bê tông chất thải quặng đuôi, phải lập và phê duyệt phương án vận hành, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và nêu chất thải gửi Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

4. Cơ quan quản lý môi trường ngành Công Thương có trách nhiệm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá nguy cơ các loại sự cố môi trường trên phạm vi ngành Công Thương;

b) Xây dựng công tác phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ và ứng phó sự cố môi trường ngành Công Thương;

c) Xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường ngành Công Thương hàng năm và định kỳ-03 (năm) năm.

#### **Chương V**

### **KIỂM TRA VÀ BẢO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **Điều 14. Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường**

1. Hàng năm, cơ quan quản lý môi trường ngành Công Thương sẽ triển khai xây dựng kế hoạch kiểm tra và tổ chức thực hiện. Nội dung kiểm tra công tác bảo vệ môi trường bao gồm: kiểm tra việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và việc thực hiện các cam kết trong kế hoạch quản lý môi trường.

2. Việc kiểm tra định kỳ theo kế hoạch phải được thông báo bằng văn bản trước 03 (ba) ngày làm việc. Trường hợp đột xuất, khi có dấu hiệu vi phạm các quy định bảo vệ môi trường hoặc đơn thư tố cáo, việc kiểm tra không cần thông báo trước bằng văn bản.

3. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

a) Phải tự kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại cơ sở và cam kết của cơ sở;

b) Chấp hành quyết định kiểm tra, thực hiện nghiêm chỉnh các kết luận của Đoàn kiểm tra và chấp hành nghiêm trước pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

#### **Điều 15. Báo cáo công tác môi trường**

1. Báo cáo công tác môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh

a) Báo cáo công tác môi trường được thực hiện định kỳ 01 (một) lần/năm;

b) Các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm báo cáo công tác môi trường theo quy định tại Thông tư số 22/2013/TT-BCT ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương;

c) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành Công Thương không thuộc đối tượng tại khoản b Khoản 1 Điều 15 Thông tư này có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương trước ngày 30 tháng 3 năm tiếp theo của năm báo cáo theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này để tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương;

d) Trường hợp đột xuất, Bộ Công Thương đề nghị các đơn vị báo cáo hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản.

2. Báo cáo môi trường ngành Công Thương

Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp lập báo cáo định kỳ môi trường hàng năm và báo cáo công tác 03 (ba) năm theo các thể văn quản lý của Bộ Công Thương gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

### **Chương VI**

## **ĐIỀU KHIỂN THE HÀNH**

#### **Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan thuộc Bộ Công Thương**

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp là cơ quan quản lý môi trường của Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Tổ chức thẩm định báo cáo ĐMTC, báo cáo ĐMTC thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về báo vị môi trường trong báo cáo ĐMTC, ĐTM;

b) Thông lý các chỉ tiêu môi trường ngành Công Thương; xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương;

c) Đào tạo, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp xử lý của các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ngành Công Thương;

d) Dẫn dắt công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục sự cố môi trường, phục hồi môi trường ngành Công Thương;



đ) Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp và báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành Công Thương theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

2. Vụ Kế hoạch chỉ tư tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt danh mục các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành phải tập hợp của ĐHC theo quy định của Thông tư này.

3. Các đơn vị thuộc Bộ được giao chỉ tư xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, các đề án, dự án có trình nhiệm phải hợp với Quy K) thuộc cơ quan và Môi trường công nghiệp, các cơ quan có liên quan trong quá trình xây dựng, thẩm định và trình phê duyệt báo cáo ĐHC và ĐTM.

#### **Điều 17. Trình nhiệm của Bộ Công Thương**

1. Chỉ tư thực hiện kiểm tra theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc phải hợp với cơ quan quản lý môi trường của Bộ Công Thương kiểm tra và thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

2. Tổng hợp và xây dựng báo cáo công tác môi trường ngành Công Thương tại địa phương gửi Bộ Công Thương theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm Thông tư này, trước ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo của năm báo cáo.

#### **Điều 18. Trình nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh**

1. Chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, chỉ d) thành ra, kiểm tra, xử lý vi phạm, báo cáo về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

2. Xây dựng kế hoạch quản lý môi trường và phổ biến đối với các b) công nhân viên của cơ sở, tổ chức sống kết, định giá kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở.

3. Người quy định nêu trên, các Tập đoàn, Tổng công ty thuộc Bộ Công Thương của cơ trình nhiệm:

a) Xây dựng quy chế, quy định báo về môi trường áp dụng cho Tập đoàn, Tổng công ty và hướng dẫn các đơn vị thành viên xây dựng báo cáo công tác môi trường theo quy định tại Thông tư này;

b) Xem xét thành lập bộ phận phụ trách môi trường hoặc bộ tư vấn bộ chuyên trách tham mưu giúp Lãnh đạo đơn vị quản lý hoạt động bảo vệ môi trường.

#### **Điều 19. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2003.

2. Quyết định số 11/2000/QĐ-ĐCT ngày 30 tháng 11 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chế tạm thời về bảo vệ môi trường

ngành Công Thương sẽ bắt đầu lực kế từ ngày Thống kê này có hiệu lực thi hành.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn được vận dụng trong văn bản này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì được áp dụng theo quy định tại văn bản mới.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc xin đề nghị, chỉ nhận phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, quyết định.

**Danh sách:**

- Văn phòng Tổng cục;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Đoàn thể YBCPTT, BSC Việt Nam;
- BCT các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Liên lạc Bộ Công Thương;
- Các Ban và Đoàn Bộ Công Thương;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc BCT;
- Các Vụ/Phòng (Chính phủ, BCT);
- Công tác;
- Các YT, A/Thư.

**KY. BỘ TRƯỞNG  
TẬP. TRƯỞNG**



**Đương Quốc Vương**

**Phụ lục 1**  
**ĐANH MỤC CÁC NGUỒN THẢI KHI THẢI LƯỢNG LỚN**  
 (Theo hình thức theo Thông tư số 32 /2012/TT-BCT ngày 21 tháng 06 năm 2012  
 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Loại hình cơ sở của chất	Quy mô công suất
1	Điện xuất khẩu thép	Số lượng (tấn năm) 100.000 tấn/năm
2	Nhà máy điện	Trên các nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên
3	Nhà máy và phân bón hóa học	Số lượng (tấn năm) 10.000 tấn/năm
4	Công nghiệp sản xuất dầu mỏ	Số lượng (tấn năm) 10.000 tấn/năm
5	Là loại công nghiệp	Số lượng (tấn năm) 20 tấn/ngày

**Phụ lục 3**  
**BẢNG MỤC CÁC LOẠI HÌNH CƠ SỞ SẢN XUẤT PHẢI THỰC HIỆN SẮC**  
**NHẪN HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG**  
 (Theo danh sách theo Thông tư số 43/2017/TT-BCT ngày 07 tháng 06 năm 2017  
 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Loại hình cơ sở sản xuất	Quy mô công suất
1	Cơ sở sản xuất có chất thải phóng xạ hoặc chất sinh chất thải phóng xạ	Thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định của pháp luật về an toàn và kiểm soát chất xạ
2	Nhà máy lọc, tinh dầu, cơ sở khai thác dầu khí	Tất cả
3	Cơ sở sản xuất hóa chất vô cơ, sơn, vật liệu in, mực in, thuốc bảo vệ thực vật, chất tẩy rửa, phụ gia, phân bón hóa học	Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
4	Cơ sở khai thác đá biến, khoáng sản có chất phóng xạ tự nhiên, làm gốm đá biến, khoáng sản có chất phóng xạ	Công suất từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
5	Cơ sở sản xuất lò hơi	Công suất từ 100.000 kWh/năm hoặc 400 tấn sản phẩm/năm trở lên
6	Cơ sở khai thác khoáng sản rắn (bao gồm đất hiếm, khoáng sản)	Công suất từ 100.000 m <sup>3</sup> nguyên liệu/năm trở lên
7	Cơ sở chế biến, tinh chế đất hiếm, kim loại màu, khoáng sản có chất phóng xạ	Công suất từ 200.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
8	Cơ sở luyện gang thép	Công suất từ 200.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
9	Cục công nghiệp	Diện tích từ 200 ha trở lên
10	Nhà máy sản xuất bột giấy	Công suất từ 11.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
11	Nhà máy sản xuất cồn, rượu	Công suất từ 1.000.000 lít sản phẩm/năm trở lên
12	Nhà máy sản xuất bia, nước giải khát	Công suất từ 10.000.000 lít sản phẩm/năm trở lên

**Phụ lục 3**  
**BẢNG CÁO MỨC TRƯỜNG NĂM ...**

(Theo hình thức theo Thông tư số 15/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 04 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin về đơn vị**

- Tên đơn vị:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

Fax:

Email:

**2. Sản phẩm chính**

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)

Giải thích (2): Liệt kê các loại sản phẩm của cơ sở

**3. Nguyên, nhiên liệu sử dụng**

TT	Loại nguyên liệu	Đơn vị	Lượng sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)

Giải thích (2): Liệt kê các loại nguyên, nhiên liệu sử dụng của cơ sở (ví dụ: Than, dầu, điện, gas, nước...)

**II. Thông tin về quản lý chất thải**

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Lượng phát sinh	Phương pháp xử lý chất thải	Lượng tiêu hao, tái sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Nước thải				
	Nước thải công nghiệp				
	Nước thải sinh hoạt				

II	Chức năng của				
	Chức năng của công nghệ thông tin				
	Chức năng của một loại				
III	Chức năng ngày nay				
IV	Khả năng				

**Ghi chú:** (1): Tập theo loại chức năng, phương pháp và ý kiến khác. (2) và (3): Tập có (1) và (2) là bảng phương pháp học (1), sinh học, tiếp thu, tiếp thu...

### III. Đánh giá quản lý môi trường

TT	Lập DPM	Lập kế hoạch MCHT	Lập kế hoạch MCHT	Áp dụng DPM MCHT	Xác nhận lại thông quản lý môi trường	Đạt có môi trường
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

**Ghi chú:** (1) – (7): Đánh “X” nếu đã đạt hoặc chưa đạt để cấp và áp dụng môi trường. Chưa đạt hoặc không đạt “X”, nếu không đánh dấu trong phần này hoặc không “X”.

### IV. Kết luận

- Thành quả công tác đã triển khai và những kết quả đạt được trong công tác bảo vệ môi trường so với các năm trước.

### V. Khả năng, vướng mắc

- Những khó khăn trong công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường, vướng mắc đối với các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Những kiến nghị để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

**Chức danh của chủ, Thủ trưởng**

(Chữ in hoa)

**17.03.2024**  
**Wiederholung: Die 1000er- und 100er-Platz**  
 (Wie hoch ist die Zahl? Wie hoch ist die Zahl? Wie hoch ist die Zahl?)

1. Wie hoch ist die Zahl? Wie hoch ist die Zahl?

Ziffer	1000er-Platz		100er-Platz		10er-Platz		1er-Platz		Ziffer	Ziffer	Ziffer	Ziffer
	Ziffer	Wert	Ziffer	Wert	Ziffer	Wert	Ziffer	Wert				
1	1	1000	1	100	1	10	1	1	1	1	1	1
2	2	2000	2	200	2	20	2	2	2	2	2	2
3	3	3000	3	300	3	30	3	3	3	3	3	3
4	4	4000	4	400	4	40	4	4	4	4	4	4
5	5	5000	5	500	5	50	5	5	5	5	5	5
6	6	6000	6	600	6	60	6	6	6	6	6	6
7	7	7000	7	700	7	70	7	7	7	7	7	7
8	8	8000	8	800	8	80	8	8	8	8	8	8
9	9	9000	9	900	9	90	9	9	9	9	9	9

**18.03.2024**

1. Wie hoch ist die Zahl? Wie hoch ist die Zahl? Wie hoch ist die Zahl?

2. Wie hoch ist die Zahl? Wie hoch ist die Zahl?

3. Wie hoch ist die Zahl? Wie hoch ist die Zahl? Wie hoch ist die Zahl?

4. Wie hoch ist die Zahl? Wie hoch ist die Zahl?

5. Wie hoch ist die Zahl? Wie hoch ist die Zahl? Wie hoch ist die Zahl?

18.03.2024  
18.03.2024